

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***

*cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012*

*và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012*

*đã được soát xét*

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	<b>4 – 5</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét</b>	<b>6 – 28</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 28

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Tổng Giám đốc** (tiếp theo)

---

### **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000149 ngày 18 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **111.000.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là: Sản xuất, kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép. Trụ sở chính của Công ty đặt tại La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

#### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

#### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Tetsuji Nagata	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Phương	Ủy viên

#### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Tổng Giám đốc trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Bà Âu Thiên Hương	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Tổng Giám đốc** (tiếp theo)

---

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

*Hà Nội, ngày ... tháng 8 năm 2012*

**Tổng Giám đốc**

**Âu Thiên Hương**

Số : ..../2012/BCSX-AASCN

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

*về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long được lập ngày 20 tháng 8 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long đang bao gồm cả khoản lỗ từ hợp đồng hợp tác đầu tư Phân xưởng sản xuất cáp quang số 02/TLT-SAM ngày 02 tháng 05 năm 2007 giữa Công ty TNHH Cáp Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Alphanam Thiết bị điện) và Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông Sacom (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom) mà chưa thực hiện phân chia cho các bên tham gia góp vốn đầu tư. Số lỗ lũy kế của Phân xưởng sản xuất Cáp quang nêu trên đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 ước tính là (14.450.086.133) đồng. Tỷ lệ góp vốn thực tế của Công ty Cổ phần Alphanam Thiết bị điện trong phân xưởng sản xuất Cáp quang là 34%, tỷ lệ góp vốn của các đối tác khác là 66%. Theo hợp đồng hợp tác đầu tư thì các bên sẽ phân chia lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh của phân xưởng sản xuất Cáp quang theo tỷ lệ góp vốn.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của nhận xét như mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## **Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)**

---

Tuy nhiên, chúng tôi muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính rằng :

Tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị của nhà máy sản xuất cáp điện viễn thông và nhà máy sản xuất cáp quang có nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 lần lượt là 148.158.386.611 đồng và 99.494.916.343 đồng đã ngừng hoạt động và hiện không còn phát huy hiệu quả.

*Hà Nội, ngày ... tháng 8 năm 2012*

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt  
Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Bùi Ngọc Hà**  
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

**Bùi Thị Ngọc Lân**  
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.114.931.768</b>	<b>26.497.483.966</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.498.119.650</b>	<b>833.966.066</b>
1.	Tiền	111	V.01	1.298.119.650	833.966.066
2.	Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.913.610.679</b>	<b>7.296.067.263</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		8.318.119.289	3.707.827.566
2.	Trả trước cho người bán	132		8.942.220.031	4.359.801.079
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	4.369.113.828	4.084.281.087
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(4.715.842.469)	(4.855.842.469)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>14.277.431.973</b>	<b>16.580.725.234</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	20.233.611.465	23.163.126.671
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(5.956.179.492)	(6.582.401.437)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.425.769.466</b>	<b>1.786.725.403</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		108.613.434	41.205.223
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		352.165.263	514.448.611
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	163.581.600	163.581.600
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		801.409.169	1.067.489.969

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>111.245.453.350</b>	<b>116.219.846.464</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>111.021.947.963</b>	<b>115.727.776.891</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	101.070.432.656	105.651.871.842
	- Nguyên giá	222		152.508.556.876	153.199.941.641
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(51.438.124.220)	(47.548.069.799)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	9.951.515.307	10.075.905.049
	- Nguyên giá	228		11.165.504.331	11.165.504.331
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.213.989.024)	(1.089.599.282)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>223.505.387</b>	<b>492.069.573</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	223.505.387	492.069.573
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>145.360.385.118</b>	<b>142.717.330.430</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>49.921.853.741</b>	<b>39.811.237.567</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>31.349.589.741</b>	<b>21.238.973.567</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	-	4.544.302.841
2.	Phải trả người bán	312		18.984.869.533	7.938.522.432
3.	Người mua trả tiền trước	313		8.758.539.294	4.470.303.082
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	59.460.197	33.502.087
5.	Phải trả người lao động	315		192.212.700	332.889.000
6.	Chi phí phải trả	316	V.10	-	70.000.000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	3.141.525.136	3.636.471.244
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		212.982.881	212.982.881
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.572.264.000</b>	<b>18.572.264.000</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.12	18.572.264.000	18.572.264.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>95.438.531.377</b>	<b>102.906.092.863</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>95.438.531.377</b>	<b>102.906.092.863</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		11.718.534.049	11.718.534.049
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(118.280.002.672)	(110.812.441.186)
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C.</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>145.360.385.118</b>	<b>142.717.330.430</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>STT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2012***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Phúc Mạnh****Nguyễn Thị Ánh Tuyết****Âu Thiên Hương**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>55.900.322.600</b>	<b>43.132.115.383</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	109.093.600	1.424.615.329
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.03</b>	<b>55.791.229.000</b>	<b>41.707.500.054</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	55.747.899.536	57.615.744.931
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>43.329.464</b>	<b>(15.908.244.877)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	9.440.695	25.289.805
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	341.967.292	1.525.983.036
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>321.681.989</i>	<i>1.208.104.835</i>
8. Chi phí bán hàng	24		52.009.308	423.796.574
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.696.448.370	3.159.131.328
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(2.037.654.811)</b>	<b>(20.991.866.010)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.07	120.132.697	40.148.991
12. Chi phí khác	32	VI.08	5.550.039.372	8.446.156.685
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(5.429.906.675)</b>	<b>(8.406.007.694)</b>
<b>14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(7.467.561.486)</b>	<b>(29.397.873.704)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(7.467.561.486)</b>	<b>(29.397.873.704)</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(7.467.561.486)	(29.397.873.704)
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.13</b>	<b>(673)</b>	<b>(2.648)</b>

*Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2012*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**Phạm Phúc Mạnh**

**Nguyễn Thị Ánh Tuyết**

**Âu Thiên Hương**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1.</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(7.467.561.486)</b>	<b>(29.397.873.704)</b>
<b>2.</b>	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		4.394.518.531	8.794.899.488
-	Các khoản dự phòng	03		(766.221.945)	12.419.273.773
-	Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		171.869.702	(20.704.988)
-	Chi phí lãi vay	06		321.681.989	1.208.104.835
<b>3.</b>	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(3.345.713.209)</b>	<b>(6.996.300.596)</b>
-	Tăng giảm các khoản phải thu	09		(432.139.974)	(15.254.054.685)
-	Tăng giảm hàng tồn kho	10		2.929.515.206	11.495.537.224
-	Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		6.037.879.721	17.705.804.228
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12		201.155.975	364.145.983
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(321.681.989)	(992.985.228)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(28.213.264)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.069.015.730</b>	<b>6.293.933.662</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(13.070.000)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		130.000.000	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.440.695	20.704.988
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>139.440.695</b>	<b>17.634.988</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	7.500.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.544.302.841)	(14.581.288.445)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.544.302.841)</b>	<b>(7.081.288.445)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>664.153.584</b>	<b>(769.719.795)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>833.966.066</b>	<b>1.886.584.688</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1.498.119.650</b>	<b>1.116.864.893</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Phúc Mạnh

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Âu Thiên Hương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là: Sản xuất, kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ kế toán chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Thiết kế vô tuyến điện đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, lắp đặt công trình viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**04. Thông tin về Công ty con**

Tên và địa chỉ Công ty con	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012			
		Vốn thực góp của Công ty con (VND)	Vốn đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty con (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
<i>Công Ty Cổ phần Thiết bị điện (trước đây là Công ty Cổ phần Cáp Thăng Long)</i> Đường B1, khu B, khu Công nghiệp phố Núi A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.	20.020.000.000	20.010.000.000	20.000.000.000	99,99%	99,99%

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### **03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **02. Cơ sở hợp nhất**

##### ***Công ty con***

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### **03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

### **04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 năm
- TSCĐ hữu hình khác	5 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	49 năm

### **06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Chi phí sửa chữa tài sản;
- Chi phí khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### **08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND*

<b>01. Tiền</b>	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
- Tiền mặt	618.594.683	34.204.447
- Tiền gửi ngân hàng	679.524.967	799.761.619
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.298.119.650</b>	<b>833.966.066</b>
<b>02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
- Phải thu khác	4.369.113.828	4.084.281.087
<b>Cộng</b>	<b>4.369.113.828</b>	<b>4.084.281.087</b>
<b>03. Hàng tồn kho</b>	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	6.651.288.726	8.661.007.983
- Công cụ, dụng cụ	371.032.994	371.032.994
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.871.123.999	2.519.240.505
- Thành phẩm	3.127.120.928	3.314.147.772
- Hàng hoá	8.213.044.818	8.297.697.417
- Hàng gửi đi bán	-	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>20.233.611.465</b>	<b>23.163.126.671</b>
<b>04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	163.581.600	163.581.600
<b>Cộng</b>	<b>163.581.600</b>	<b>163.581.600</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>43.179.206.895</i>	<i>103.290.437.305</i>	<i>1.080.873.378</i>	<i>5.352.795.492</i>	<i>296.628.571</i>	<i>153.199.941.641</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(636.904.765)	(54.480.000)	-	(691.384.765)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>43.179.206.895</i>	<i>103.290.437.305</i>	<i>443.968.613</i>	<i>5.298.315.492</i>	<i>296.628.571</i>	<i>152.508.556.876</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>3.658.464.055</i>	<i>40.862.071.784</i>	<i>597.968.212</i>	<i>2.221.925.740</i>	<i>207.640.008</i>	<i>47.548.069.799</i>
- Khấu hao trong kỳ	460.855.949	3.589.689.181	41.820.796	148.100.003	29.662.860	4.270.128.789
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(357.374.352)	(22.700.016)	-	(380.074.368)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>4.119.320.004</i>	<i>44.451.760.965</i>	<i>282.414.656</i>	<i>2.347.325.727</i>	<i>237.302.868</i>	<i>51.438.124.220</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>39.520.742.840</i>	<i>62.428.365.521</i>	<i>482.905.166</i>	<i>3.130.869.752</i>	<i>88.988.563</i>	<i>105.651.871.842</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>39.059.886.891</i>	<i>58.838.676.340</i>	<i>161.553.957</i>	<i>2.950.989.765</i>	<i>59.325.703</i>	<i>101.070.432.656</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>11.098.269.345</b>	<b>67.234.986</b>	<b>11.165.504.331</b>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.098.269.345</b>	<b>67.234.986</b>	<b>11.165.504.331</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.067.925.308</b>	<b>21.673.974</b>	<b>1.089.599.282</b>
- Khấu hao trong kỳ	113.247.648	11.142.094	124.389.742
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.181.172.956</b>	<b>32.816.068</b>	<b>1.213.989.024</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>10.030.344.037</b>	<b>45.561.012</b>	<b>10.075.905.049</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>9.917.096.389</b>	<b>34.418.918</b>	<b>9.951.515.307</b>

**07. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/6/2012	01/01/2012
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng	82.481.362	286.071.667
- Chi phí sửa chữa tài sản	111.675.574	82.981.568
- Chi phí trả trước dài hạn khác	29.348.451	123.016.338
<b>Cộng</b>	<b>223.505.387</b>	<b>492.069.573</b>

**08. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/6/2012	01/01/2012
- <b>Vay ngắn hạn</b>	-	<b>4.544.302.841</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	4.544.302.841
- <b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>4.544.302.841</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	59.460.197	33.502.087
<b>Cộng</b>	<b>59.460.197</b>	<b>33.502.087</b>

**10. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
- Lãi vay phải trả	-	-
- Chi phí khác	-	70.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>70.000.000</b>

**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	17.134.071	41.073.720
- Bảo hiểm xã hội	28.457.085	20.119.128
- Bảo hiểm y tế	436.500	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	86.012	313.512
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	230.000.000	230.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.865.411.468	3.344.964.884
+ Phải trả cổ tức	1.895.900.346	3.002.982.836
+ Phải trả khác	969.511.122	341.982.048
<b>Cộng</b>	<b>3.141.525.136</b>	<b>3.636.471.244</b>

**12. Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
- Nhận vốn góp của hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	18.572.264.000	18.572.264.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	8.935.476.000	8.935.476.000
+ Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú	1.119.089.000	1.119.089.000
+ Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam cường	2.240.680.000	2.240.680.000
+ Công ty Cổ phần Bao bì và Dịch vụ Sam Thịnh	2.240.819.000	2.240.819.000
+ Cán bộ công nhân viên công ty	4.036.200.000	4.036.200.000
- Phải trả dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.572.264.000</b>	<b>18.572.264.000</b>

(\*) Đây là khoản nhận vốn góp của Phân xưởng sản xuất cáp quang là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH Cáp Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Alphanam Thiết bị điện) theo hợp đồng hợp tác đầu tư Phân xưởng sản xuất Cáp quang số 02/TLT-SAM ngày 02 tháng 05 năm 2007 giữa Công ty TNHH Cáp Thăng Long và Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông SACOM (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom). Trong đó, tỷ lệ vốn góp của các đối tác là 66%, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần cáp Thăng Long là 34%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(74.904.374.340)</b>	<b>138.814.159.709</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(35.908.066.846)	(35.908.066.846)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(110.812.441.186)</b>	<b>102.906.092.863</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>					
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(7.467.561.486)	(7.467.561.486)
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(118.280.002.672)</b>	<b>95.438.531.377</b>

(\*): Lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đang bao gồm cả khoản lỗ từ hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/TLT-SAM ngày 02 tháng 5 năm 2007 giữa Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom, số tiền ước tính lỗ là 14.450.086.133 đồng và số ước tính phân bổ cho các đối tác là 9.537.056.847 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/6/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.000.000.000	111.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>111.000.000.000</u></b>	<b><u>111.000.000.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	111.000.000.000	111.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>30/6/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>30/6/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	11.718.534.049	11.718.534.049
- Quỹ dự phòng tài chính	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>11.718.534.049</u></b>	<b><u>11.718.534.049</u></b>

**g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(7.467.561.486)	(29.397.873.704)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.467.561.486)	(29.397.873.704)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.100.000	11.100.000
<b>- Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(673)</b>	<b>(2.648)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**14. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

	<b>Báo cáo của Công ty con</b>	<b>Phần lợi ích của Cổ đông thiểu số</b>	<b>Phần lợi ích của Công ty mẹ</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.010.000.000	10.000.000	20.000.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(65.130.583.876)	(10.000.000)	(65.120.583.876)
<b>Cộng</b>	<b>(45.120.583.876)</b>	<b>-</b>	<b>(45.120.583.876)</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	53.670.146.606	37.462.864.200
- Doanh thu bán thành phẩm	2.230.175.994	5.669.251.183
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>55.900.322.600</b>	<b>43.132.115.383</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	109.093.600	1.424.615.329
<b>Cộng</b>	<b>109.093.600</b>	<b>1.424.615.329</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	53.561.053.006	36.038.248.871
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.230.175.994	5.669.251.183
- Doanh thu thuần dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>55.791.229.000</b>	<b>41.707.500.054</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.768.196.478	37.267.631.096
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.979.703.058	9.330.253.093
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	11.017.860.742
<b>Cộng</b>	<b>55.747.899.536</b>	<b>57.615.744.931</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.440.695	20.704.988
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	4.027.682
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	557.135
<b>Cộng</b>	<b>9.440.695</b>	<b>25.289.805</b>

**06. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
- Lãi tiền vay	321.681.989	1.208.104.835
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.285.303	317.878.201
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>341.967.292</b>	<b>1.525.983.036</b>

**07. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	118.636.364	-
- Thu khác	1.496.333	40.148.991
<b>Cộng</b>	<b>120.132.697</b>	<b>40.148.991</b>

**08. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	311.410.397	-
- Khấu hao tài sản cố định dừng hoạt động	4.214.709.735	6.686.578.541
- Chi phí khác	1.023.919.240	1.759.578.144
<b>Cộng</b>	<b>5.550.039.372</b>	<b>8.446.156.685</b>

**09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.482.053.478	5.124.769.324
- Chi phí nhân công	1.465.150.395	1.706.903.587
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.808.796	2.167.196.325
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	693.441.548	589.105.567
- Chi phí khác bằng tiền	72.563.169	3.531.773.985
<b>Cộng</b>	<b>3.893.017.386</b>	<b>13.119.748.788</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Thông tin về các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
Tiền lương	412.276.000
<b>Cộng</b>	<b>412.276.000</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

<b><i>Các bên liên quan</i></b>	<b><i>Mối quan hệ</i></b>
Công ty Cổ phần Alphanam	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Liên doanh FUJI - ALPHA	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam	Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
<b><i>Công ty Liên doanh FUJI - ALPHA</i></b>		
Mua hàng hóa	18.792.670	-
<b><i>Công ty Cổ phần Alphanam cơ điện</i></b>		
Bán hàng hóa	27.429.067.234	8.360.550.000
Mua hàng hóa	748.065.303	47.922.995.239
<b><i>Công ty Cổ phần Alphanam</i></b>		
Bán hàng hóa	27.222.458.125	-
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam</i></b>		
Mua hàng hóa	13.974.776.613	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
<b>Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện</b>		
Phải thu khách hàng	5.756.021.560	-
Trả trước cho người bán	-	3.696.432
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>5.756.021.560</u></b>	<b><u>3.696.432</u></b>
<b>Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện</b>		
Phải trả người bán	5.429.993.010	5.350.770.937
<b>Công ty Liên doanh FUJI - ALPHA</b>		
Phải trả người bán	35.093.666	14.703.384
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam</b>		
Phải trả người bán	7.137.427.854	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>12.602.514.530</u></b>	<b><u>5.365.474.321</u></b>

**02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Sản xuất, kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ nay</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.230.175.994	53.561.053.006	55.791.229.000
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Chi phí phân bổ	3.279.940.371	59.978.850.115	63.258.790.486
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(1.049.764.377)	(6.417.797.109)	(7.467.561.486)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>			
Tài sản bộ phận	112.334.693.515	31.527.571.953	143.862.265.468
Tài sản không phân bổ	-	-	1.498.119.650
<b>Tổng tài sản</b>	<b>112.334.693.515</b>	<b>31.527.571.953</b>	<b>145.360.385.118</b>
Nợ phải trả bộ phận	1.501.293.646	36.055.839.887	37.557.133.533
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	12.364.720.208
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.501.293.646</b>	<b>36.055.839.887</b>	<b>49.921.853.741</b>

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	<b>Giá trị sổ sách</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.498.119.650	833.966.066	1.498.119.650	833.966.066
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	12.687.233.117	7.792.108.653	8.332.947.033	2.936.266.184
<b>Cộng</b>	<b>14.185.352.767</b>	<b>8.626.074.719</b>	<b>9.831.066.683</b>	<b>3.770.232.250</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	18.984.869.533	7.938.522.432	18.984.869.533	7.938.522.432
Vay và nợ	-	4.544.302.841	-	4.544.302.841
Các khoản phải trả khác	3.141.525.136	3.706.471.244	3.141.525.136	3.706.471.244
<b>Cộng</b>	<b>22.126.394.669</b>	<b>16.189.296.517</b>	<b>22.126.394.669</b>	<b>16.189.296.517</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### **04. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

### **05. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

*Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2012*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Phạm Phúc Mạnh**

**Nguyễn Thị Ánh Tuyết**

**Âu Thiên Hương**